

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HULỆN THUỶ NGUY
THÀNH PHỐ P

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/HS-ST
Ngày 24-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HULỆN THUỶ NGUY, THÀNH PHỐ P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông NguLễn Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đình Diệu

Ông Bùi Đình Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà NguLễn Thị Lan Anh- Thư ký Toà án nhân dân huLện Thuỷ NguY, thành phố P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huLện N, thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huLện N, thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2024 theo QuLết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Bùi Văn B, sinh năm 1970; nơi sinh: Thành phố P. Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ 2, thị trấn N, huLện N, thành phố P; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn T và bà Đình Thị T (đều đã chết); có vợ là Trần Thị L, sinh năm 1971 và có hai con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 19 ngày 18/02/2008 của Tòa án nhân dân thành phố P xử phạt 08 năm về tội Mua bán trái phép chất ma túy, chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/8/2013, đã thi hành các khoản án phí hình sự sơ thẩm và hình phạt bổ sung năm 2015 (đã xóa án tích); bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 15/10/2023 đến ngày 24/10/2023 chuLện tạm giam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 35 phút ngày 15/10/2023, tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện N kết hợp với Công an thị trấn N làm nhiệm vụ tại khu vực tổ dân phố Hàm Long, thị trấn N, huyện N, thành phố P phát hiện Bùi Văn B có biểu hiện nghi vấn cất giấu trái phép chất ma túy. Tiến hành kiểm tra, lực lượng Công an thu giữ trong khẩu trang L tế màu xanh B đang đeo trên miệng 01 gói giấy chứa chất bột màu trắng (nghi chất ma túy); tạm giữ của B 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 15B3 - 638.14. Tổ công tác đã đưa B cùng vật chứng về trụ sở Công an thị trấn N làm việc.

Tại Cơ quan điều tra, Bùi Văn B khai: Do bản thân nghiện ma túy Heroine nên B thường xuyên mua ma túy về sử dụng. Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 15/10/2023, B một mình điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 15B3 - 638.14 sang khu vực đường H, quận L, thành P mua của một người phụ nữ không quen biết 100.000 đồng được 01 gói ma túy heroine. Mua được ma túy, B cất giấu trong khẩu trang L tế đang đeo trên miệng rồi điều khiển xe về nhà tìm nơi sử dụng. Khi đến khu vực dốc Y Ngựa, tổ dân phố Hàm Long, thị trấn N thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng như trên.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở và khu vực có liên quan của Bùi Văn B Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan.

Tại bản Kết quả giám định số 808/KLGD-MT ngày 19/10/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố P kết luận: chất bột màu trắng có trong 01 gói giấy thu giữ của Bùi Văn B là ma túy, có khối lượng 0,20 gam, là loại Heroine.

Vật chứng: 01 phong bì niêm phong số 808MT/PC09 chứa chất ma túy còn lại là 0,10 gam heroine và vỏ B bì sau giám định chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện N quản lý.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 15B3 - 638.14 Bùi Văn B sử dụng đi mua ma túy: quá trình điều tra xác định chủ sở hữu hợp pháp là chị Trần Thị Y, sinh năm 1972 (vợ của B), chị Y sử dụng tiền riêng của mình mua chiếc xe trên. Chị Y cho B mượn chiếc xe trên để đi lại nhưng không biết việc B sử dụng đi mua ma túy về sử dụng nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho chị Y.

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKSTN ngày 31/12/2023 Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố P đã truy tố Bùi Văn B về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Bùi Văn B khai nhận hành vi của mình như nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huLện N, do nghiện ma túL nên bị cáo đã có hành vi một mình đi mua ma túL và cất giấu để sử dụng cho bản thân, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối hận và đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Đại diện Viện Kiểm sát giữ quLền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo B đã có hành vi cất giấu trái phép chất ma túL là Heroine có khối lượng 0,20 gam để sử dụng cho bản thân. Hành vi của bị cáo có đủ Lếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túL”. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuY bố bị cáo Bùi Văn B phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túL”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù. Không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự đề nghị xử lý vật chứng theo quL định của pháp luật. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quL định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thắL như sau:

- Về tố tụng:

[1]. Hành vi, quLết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huLện N, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huLện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truL tố đã thực hiện đúng về thẩm quLền, trình tự, thủ tục quL định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quLết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quLết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Hành vi, quLết định tố tụng của thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quL định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Về tội danh và điều luật áp dụng:

[3]. Bị cáo Bùi Văn B đã có hành vi cất giữ trái phép chất ma túL là Heroine có khối lượng 0,20 gam để sử dụng cho bản thân. Hành vi của bị cáo là cố ý và nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến sự độc quLền quản lý của Nhà nước về chất ma túL được pháp luật bảo vệ, vi phạm Luật phòng chống ma túL, tiếp táL cho hoạt động mua bán trái phép chất ma túL và là nguY nhân gắL nên các loại tội phạm khác. Với hành vi nêu trên, bị cáo B đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma

túL” quL định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo B thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huLện N, thành phố P.

- Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất vụ án, nhân thân và hình phạt:

[4]. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Bùi Văn B thành khẩn khai báo do đó cần cho bị cáo B hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quL định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Về nhân thân: Mặc dù bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng bị cáo từng bị Tòa án xét xử theo Bản án số 19 ngày 18/02/2008 của Tòa án nhân dân thành phố P xử phạt 08 năm về tội Mua bán trái phép chất ma túy, chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/8/2013, đã thi hành các khoản án phí hình sự sơ thẩm và hình phạt bổ sung năm 2015 (đã xóa án tích) nên bị nhận định là có nhân thân xấu khi phạm tội.

Từ những tình tiết trên, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn trên mức khởi điểm của khung hình phạt và buộc bị cáo chấp hành tại trại giam trong một thời hạn nhất định nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và các quL tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới, giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[5]. Khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự quL định bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấL, bị cáo B là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng:

[6]. 01 phong bì niêm phong số 808MT/PC09 chứa chất ma túy còn lại là 0,10 gam heroine và vỏ B bì sau giám định xác định là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành nên áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự cần tịch thu tiêu huL.

[7]. Trong vụ án này, đối tượng bán trái phép chất ma túy cho Bùi Văn B, quá trình điều tra không xác định được căn cước, lai lịch nên không có cơ sở để điều tra, xử lý.

- Về án phí: Bị cáo Bùi Văn B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quL định.

- Về quLên kháng cáo đối với bản án: Bị cáo Bùi Văn B được quLên kháng cáo bản án theo quL định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, Tuyên bố bị cáo Bùi Văn B phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; xử phạt bị cáo Bùi Văn B **21** (Hai mươi một) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngàyL bị tạm giữ ngàyL 15/10/2023.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủyL 01 phong bì niêm phong số 808MT/PC09 chứa chất ma túy còn lại là 0,10 gam heroine và vỏ B bì còn lại sau giám định (Vật chứng có đặc điểm được mô tả tại Phiếu nhập kho và Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngàyL 29/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huLện N, thành phố P).

Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngàyL 30/12/2016 của ỦyL ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Bùi Văn B phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quLên kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Bị cáo Bùi Văn B có mặt tại phiên tòa có quLên kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngàyL kể từ ngàyL tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quL định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quLên thỏa thuận thi hành án, quLên Lêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quL định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quL định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP P;
- VKSND TP P;
- VKSND huLện N;
- Cơ quan điều tra CA H.N;
- Cơ quan THAHS CA H.N;
- Trại tạm giam CATP P;
- Chi cục THADS huyện N;
- Sở Tư pháp thành phố P;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NguyLễn Văn Vân